

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM XUYỀN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 4 - 2025

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN, TỈNH HÀ TĨNH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Minh Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Công Lợi, Ông Bùi Quang Huân

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

*- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Cẩm Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/4/2025; giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ông Đặng Công H, sinh năm 1945

*Địa chỉ:* Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh – có mặt.

*- Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1953

*Địa chỉ:* Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh – có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Đặng Công H trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Trần Thị L tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 1976 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh nhưng đã bị thất lạc giấy đăng ký kết hôn. Vợ chồng tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau tại xã C một thời gian sau đó chuyển về sinh sống tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc cho đến năm 2001 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng bế tắc và ly thân từ năm 2004 đến nay. Hiện tại, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án

giải quyết cho ông ly hôn bà Trần Thị L để hai bên ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 3 con chung là Đặng Thế T sinh năm 1979, Đặng Thế H1 sinh năm 1979, Đặng Thế T1 sinh năm 1983. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Công H kết hôn tháng 12 năm 1976, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nhưng nay đã bị thất lạc. Sau khi cưới nhau thì vợ chồng về sống cùng nhà nội ở xã C, huyện C sau đó chuyển về xã C sinh sống cho đến nay. Cuộc sống chung vợ chồng cũng bình thường cũng không có mâu thuẫn gì lớn. Quá trình chung sống ông H có ngoại tình và tự ý ly thân, mỗi người sống cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, nay ông H xin ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 3 con chung là Đặng Thế T sinh năm 1979, Đặng Thế H1 sinh năm 1979, Đặng Thế T1 sinh năm 1983. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là cơ bản đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 85, Điều 89, 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51; 54, 55; 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Công H và bà Trần Thị L.

- Về án phí: Đương sự là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Công H đối với bà Trần Thị L là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bà L có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị L có mặt, tại phiên tòa bà L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà L theo thủ tục chung.

**[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, đương sự khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh nhưng qua kiểm tra xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C thì không có hồ sơ lưu trữ kết hôn của ông Đặng Công H và bà Trần Thị L. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã C xác nhận ông H và bà L đã sinh sống với nhau từ năm 1976 đến nay tại địa phương. Như vậy, có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông Đặng Công H và bà Trần Thị L được xác lập năm 1976, hai bên đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống tại địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông H và bà L là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khi cưới cuộc sống chung của vợ chồng bình thường, mâu thuẫn bắt đầu xảy ra từ năm 2001, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng ly thân từ năm 2004, không quan tâm, chăm sóc nhau. Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn. Bà L cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm với nhau, nay ông H xin ly hôn bà đồng ý. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 89, 90 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Công H và bà Trần Thị L.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông Đặng Công H và bà Trần Thị L có 3 con chung là Đặng Thế T sinh năm 1979, Đặng Thế H1 sinh năm 1979, Đặng Thế T1 sinh năm 1983. Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí: Đương sự là đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 85, Điều 89, 90 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 51; 54; 55; 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Công H và bà Trần Thị L.

**2. Về án phí:** Ông Đặng Công H, bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Ông Đặng Công H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THA Dân sự huyện Cẩm Xuyên;
- UBND xã Cẩm Quan;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Minh Hiền**





